

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 25 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Đôn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hồng Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 199 đường NTT, tổ dân phố 3, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 223 đường NTT, tổ dân phố 3, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị T trình bày:

Chị Trần Thị T kết hôn với anh Trần Văn H vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh H sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, sự

việc cãi vã xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh H đã có hành vi đánh chị T. Chị T đã khởi kiện ly hôn với anh H vào năm 2017, sau khi Tòa án bác đơn ly hôn của chị thì hai vợ chồng chị T và anh H vẫn không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn xảy ra nghiêm trọng hơn, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy chị T và anh H không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T và anh H ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Trần Văn Anh M, sinh ngày 17/07/2008 và cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 09/01/2012. Khi ly thân thì 02 cháu ở với anh H từ đó đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân thì 02 con chung với anh H cho đến nay. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay chị làm nghề nông, thu nhập thấp từ 03 - 05 triệu đồng/tháng nên không đủ khả năng kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nên đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đồng/tháng/cháu (Một triệu năm trăm ngàn đồng), kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh H không nợ ai và không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh H với chị Trần Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, anh H có đánh chị T 01 lần vào năm 2015. Từ lúc anh H bị bệnh tai biến, sức khỏe bị giảm sút, chị T chăm sóc anh H đến năm 2017 thì bỏ nhà đi và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho tới nay.

Vào năm 2017, chị T có làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng đã bị Tòa án bác đơn xin ly hôn. Sau đó, chị T cũng không về chung sống với anh H, không chăm sóc con cái. Mỗi năm chị T chỉ gửi về cho con vài trăm ngàn đồng chứ không thăm con. Giữa anh H và chị T cũng không gặp nhau để nói chuyện hàn gắn tình cảm. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh H không chấp nhận ly hôn vì nguyện vọng của anh H là muốn đoàn tụ gia đình để chị T về chung sống với anh H và chăm sóc các con.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Văn Anh M, sinh ngày 17/7/2008; Trần Văn Thiện N, sinh ngày 09/01/2012. Kể từ khi chị T bỏ nhà đi thì hai cháu ở với anh H, anh H là người chăm sóc cho các con. Anh H không đồng ý ly hôn nên không giao con cho chị T nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn thì anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện nay anh H là chủ cửa hàng buôn bán cây trồng, thu nhập trên 10 triệu đồng/tháng đảm bảo đủ điều kiện nuôi các con trưởng thành, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; 97; 196; 203; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Văn Anh M, sinh ngày 17/7/2008 và cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 09/01/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn H. Bị đơn anh Trần Văn H hiện đang trú tại: Số nhà 223 đường NTT, tổ dân phố 3, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa các đương sự trình bày chị Trần Thị T và anh Trần Văn H xây dựng gia đình vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn đến năm 2015 vợ chồng chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, sự việc cãi vã xảy ra nhiều lần. Anh H có hành vi đánh chị T 01 lần. Năm 2017 chị T đã khởi kiện ly hôn với anh H, sau khi Tòa án bác đơn ly hôn của chị T thì hai vợ chồng chị T và anh H vẫn không thể nói chuyện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn xảy ra nghiêm trọng hơn, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Quá trình xác minh, chính quyền địa phương nơi chị T và anh H sinh sống cho biết: Vợ chồng chị T và anh H xây dựng gia đình sinh sống tại tổ dân phố 3, thị trấn BT, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2018 chị T đã làm đơn khởi kiện ly hôn với anh H. Sau khi Tòa án bác đơn ly hôn thì hai vợ chồng vẫn ly thân từ năm 2015

đến nay. Kể từ khi vợ chồng chị T và anh H ly thân thì 02 con chung ở với anh H. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung : Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh H có 02 con chung là cháu Trần Văn Anh M, sinh ngày 17/07/2008 và cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 09/01/2012. Xét nguyện vọng của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi chị T và anh H ly thân từ năm 2015 thì anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung cho tới nay, quá trình làm việc tại Tòa án cháu M và cháu N đều có nguyện vọng được ở với bố. Xét điều kiện kinh tế hiện nay của anh H đủ để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao 02 con chung là cháu M và cháu N cho anh Trần Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu về điều kiện kinh tế cùng điều kiện tâm lý cho sự phát triển về tinh thần và thể chất của các cháu.

Chị Trần Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí **ly hôn** sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu , miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung : Giao 02 con chung là cháu Trần Văn Anh M, sinh ngày 17/07/2008 và cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 09/01/2012 cho anh Trần Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Chị Trần Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0006884 ngày 09/6/2021.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn BT
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Trần Đôn**